TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 49

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 849 đọc là:

A. Tám trăm bốn mươi chín **B.** Chín trăm bốn mươi tám

C. Tám trăm năm mươi chín **D.** Tám trăm chín mươi tư

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong số 541, chữ số 5 có giá trị là:

A. 500 **B.** 541 **C.** 50 **D.** 5

Câu 3. *(0,5 điểm)* Phép chia 47 : 4 có số dư là:

A. 1 **B.** 11 **C.** 3 **D.** 5

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: …… : 8 = 7

A. 54 **B.** 56 **C.** 48 **D.** 15

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giảm 15 đi 5 lần được:

A. 10 **B.** 4 **C.** 75 **D.** 3

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một phần ba (1/3) của 21 l là:

A. 18 l **B.** 7 l **C.** 9 l **D.** 63 l

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 4 m 8 cm = …… cm

A. 480 **B.** 4008 **C.** 48 **D.** 408

Câu 8. *(0,5 điểm)* O là trung điểm của đoạn thẳng PQ. Biết PQ = 44 cm, độ dài đoạn PO là:

A. 42 cm **B.** 44 cm **C.** 22 cm **D.** 88 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 1/8 của 56 là 7	
b) 3 m = 300 cm	
c) 67 : 6 = 11 (dư 2)	
d) Hình tròn bán kính 6 cm thì đường kính là 12 cm	

Câu 10. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 5 × 5 …… 22

b) 1 l …… 900 ml

c) 2 m 3 cm …… 212 cm

d) 1/6 của 24 …… 1/2 của 12

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Gấp 70 lên 7 lần: ……

b) Giảm 63 đi 7 lần: ……

c) 59 thêm 5 đơn vị: ……

d) Gấp 59 lên 5 lần: ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1 m 6 dm = …… dm

b) 30 mm = …… cm

c) 6 cm = …… mm

d) 2 m = …… cm

Câu 13. *(1 điểm)* Đếm hình:



a) Hình bên có …… hình chữ nhật.

Câu 14. *(1 điểm)* Linh có 7 nhãn vở, Lan có 49 nhãn vở. Hỏi số nhãn vở của Lan gấp mấy lần số nhãn vở của Linh?

a) Trả lời: …… lần

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 49

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	C	B	D	B	D	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) Đ

Câu 10.

a) 5 × 5 = 25 nên điền dấu «>»

b) 1 l = 1000 ml nên điền dấu «>»

c) 2 m 3 cm = 203 cm nên điền dấu «<»

d) 1/6 của 24 là 4; 1/2 của 12 là 6 nên điền dấu «<»

Câu 11.

a) 70 × 7 = 490

b) 63 : 7 = 9

c) 59 + 5 = 64

d) 59 × 5 = 295

Thêm một số đơn vị thì cộng, gấp lên nhiều lần thì nhân, giảm đi nhiều lần thì chia.

Câu 12.

a) 1 m 6 dm = 16 dm (vì 1 m = 10 dm)

b) 30 mm = 3 cm (vì 10 mm = 1 cm)

c) 6 cm = 60 mm (vì 1 cm = 10 mm)

d) 2 m = 200 cm (vì 1 m = 100 cm)

Câu 13.

Có 4 hình đơn, 3 hình ghép 2, 2 hình ghép 3 và 1 hình lớn: 10 hình chữ nhật.

Câu 14.

49 : 7 = 7 (lần)